

Lab 2 – simple queries

Sử dụng CSDL Northwind, tìm:

1. Danh sách các employees. Thông tin bao gồm EmployeeID, EmployeeName, Phone, Age. Trong đó EmployeeName được ghép từ LastName và FirstName; Age là tuổi được tính từ năm hiện hành (GetDate()) và năm của Birthdate.

EmployeeID	EmployeeName	HomePhone	Age
1	Davolio Nancy	(206) 555-9857	67
2	Fuller Andrew	(206) 555-9482	63
3	Leverling Janet	(206) 555-3412	52
4	Peacock Margaret	(206) 555-8122	78
5	Buchanan Steven	(71) 555-4848	60
6	Suyama Michael	(71) 555-7773	52
7	King Robert	(71) 555-5598	55
8	Callahan Laura	(206) 555-1189	57
9	Dodsworth Anne	(71) 555-4444	49
11	Dods An	(71) 555-4444	49

2. Danh sách employees có năm sinh ≤ 1960 .

EmployeeID	LastName	FirstName	Title	TitleOfCourtesy	BirthDate	HireDate	Address	City	Region	PostalCode	Country
1	Davolio	Nancy	Sales Representative	Ms.	1948-12-08 00:00:00.000	1992-05-01 00:00:00.000	507 - 20th Ave. E. Apt. 2A	Seattle	WA	98122	USA
2	Fuller	Andrew	Vice President, Sales	Dr.	1952-02-19 00:00:00.000	1992-08-14 00:00:00.000	908 W. Capital Way	Taco...	WA	98401	USA
4	Peacock	Margaret	Sales Representative	Mrs.	1937-09-19 00:00:00.000	1993-05-03 00:00:00.000	4110 Old Redmond Rd.	Red...	WA	98052	USA
5	Buchan...	Steven	Sales Manager	Mr.	1955-03-04 00:00:00.000	1993-10-17 00:00:00.000	14 Garrett Hill	Lond...	NULL	SW1 8JR	UK
7	King	Robert	Sales Representative	Mr.	1960-05-29 00:00:00.000	1994-01-02 00:00:00.000	Edgeham Hollow Winch...	Lond...	NULL	RG1 9SP	UK
8	Callahan	Laura	Inside Sales Coordi...	Ms.	1958-01-09 00:00:00.000	1994-03-05 00:00:00.000	4726 - 11th Ave. N.E.	Seattle	WA	98105	USA

3. Danh sách các products có từ 'Boxes' trong cột QuantityPerUnit.

ProductID	ProductName	SupplierID	CategoryID	QuantityPerUnit	UnitPrice	UnitsInStock	UnitsOnOrder	ReorderLevel	Discontinued
1	Chai	1	1	10 boxes x 20 bags	18.00	39	0	10	0
5	Chef Anton's Gumbo Mix	2	2	36 boxes	21.35	0	0	0	1
16	Pavlova	7	3	32 - 500 g boxes	17.45	29	0	10	0
19	Teatime Chocolate Bis...	8	3	10 boxes x 12 pie...	9.20	25	0	5	0
20	Sir Rodney's Marmalade	8	3	30 gift boxes	81.00	40	0	0	0
47	Zaanse koeken	22	3	10 - 4 oz boxes	9.50	36	0	0	0
52	Filo Mix	24	5	16 - 2 kg boxes	7.00	38	0	25	0
55	Pâté chinois	25	6	24 boxes x 2 pies	24.00	115	0	20	0
68	Scottish Longbreads	8	3	10 boxes x 8 piec...	12.50	6	10	15	0
77	Original Frankfurter grü...	12	2	12 boxes	13.00	32	0	15	0

4. Danh sách các products có Unitprice lớn hơn 10 và nhỏ hơn 15.

ProductID	ProductName	SupplierID	CategoryID	QuantityPerUnit	UnitPrice	UnitsInStock	UnitsOnOrder	ReorderLevel	Discontinued
3	Aniseed Syrup	1	2	12 - 550 ml bottles	10.00	13	70	25	0
21	Sir Rodney's Scones	8	3	24 pkgs. x 4 pieces	10.00	3	40	5	0
25	NuNuCa Nuß-Nougat...	11	3	20 - 450 g glasses	14.00	76	0	30	0
31	Gorgonzola Telino	14	4	12 - 100 g pkgs	12.50	0	70	20	0
34	Sasquatch Ale	16	1	24 - 12 oz bottles	14.00	111	0	15	0
42	Singaporean Hokkaido...	20	5	32 - 1 kg pkgs.	14.00	26	0	0	1
46	Spegesild	21	8	4 - 450 g glasses	12.00	95	0	0	0
48	Chocolade	22	3	10 pkgs.	12.75	15	70	25	0
58	Escargots de Bourgogne	27	8	24 pieces	13.25	62	0	20	0
67	Laughing Lumberjack...	16	1	24 - 12 oz bottles	14.00	52	0	10	0
68	Scottish Longbreads	8	3	10 boxes x 8 pieces	12.50	6	10	15	0
70	Outback Lager	7	1	24 - 355 ml bottles	15.00	15	10	30	0
73	Röd Kaviar	17	8	24 - 150 g jars	15.00	101	0	5	0
74	Longlife Tofu	4	7	5 kg pkg.	10.00	4	20	5	0
77	Original Frankfurter...	12	2	12 boxes	13.00	32	0	15	0

5. Danh sách các orders có OrderDate được lập trong tháng 9 năm 1996.

OrderID	CustomerID	EmployeeID	OrderDate	RequiredDate	ShippedDate	ShipVia	Freight
10295	VINET	2	1996-09-02 00:00:00.000	1996-09-30 00:00:00.000	1996-09-10 00:00:00.000	2	1.15
10296	LILAS	6	1996-09-03 00:00:00.000	1996-10-01 00:00:00.000	1996-09-11 00:00:00.000	1	0.12
10297	BLONP	5	1996-09-04 00:00:00.000	1996-10-16 00:00:00.000	1996-09-10 00:00:00.000	2	5.74
10298	HUNGO	6	1996-09-05 00:00:00.000	1996-10-03 00:00:00.000	1996-09-11 00:00:00.000	2	168....
10299	RICAR	4	1996-09-06 00:00:00.000	1996-10-04 00:00:00.000	1996-09-13 00:00:00.000	2	29.76
10300	MAGAA	2	1996-09-09 00:00:00.000	1996-10-07 00:00:00.000	1996-09-18 00:00:00.000	2	17.68
10301	WANDK	8	1996-09-09 00:00:00.000	1996-10-07 00:00:00.000	1996-09-17 00:00:00.000	2	45.08
10302	SUPRD	4	1996-09-10 00:00:00.000	1996-10-08 00:00:00.000	1996-10-09 00:00:00.000	2	6.27

Đây chỉ là một phần của dữ liệu

6. Danh sách các products ứng với tiền tồn vốn. Thông tin bao gồm ProductId, ProductName, Unitprice, UnitsInStock, TotalAccount. Trong đó TotalAccount= UnitsInStock * Unitprice.

ProductID	ProductName	UnitPrice	UnitsInStock	TotalAccount
1	Chai	18.00	39	702.00
2	Chang	19.00	17	323.00
3	Aniseed Syr...	10.00	13	130.00
4	Chef Anton'...	22.00	53	1166.00
5	Chef Anton'...	21.35	0	0.00
6	Grandma's ...	25.00	120	3000.00
7	Uncle Bob'...	30.00	15	450.00
8	Northwood...	40.00	6	240.00

Đây chỉ là một phần của dữ liệu

7. Danh sách 5 customers có city bắt đầu 'M'.

CustomerID	CompanyName	ContactName	ContactTitle	Address	City	Region	PostalCode	Country	Phone	Fax
ANATR	Ana Trujillo Emparedados y helados	Ana Trujillo	Owner	Avda. de la Constitución 2222	México D.F.	NULL	05021	Mexico	(5) 555-4729	(5) 555-3745
ANTON	Antonio Moreno Taquería	Antonio Mo...	Owner	Mataderos 2312	México D.F.	NULL	05023	Mexico	(5) 555-3932	NULL
BLAUD	Blauer See Delikatessen	Hanna Moos	Sales Re...	Forsterstr. 57	Mannheim	NULL	68306	Gem...	0621-08460	0621-08924
BOLID	Bólido Comidas preparadas	Martín Som...	Owner	C/ Araquil, 67	Madrid	NULL	28023	Spain	(91) 555 2...	(91) 555 9...
BONAP	Bon app'	Laurence L...	Owner	12, rue des Bouchers	Marseille	NULL	13008	France	91.24.45.40	91.24.45.41

8. Danh sách 2 employees có tuổi lớn nhất. Thông tin bao gồm EmployeeID, EmployeeName, Age. Trong đó, EmployeeName được ghép từ LastName và FirstName; Age là năm hiện hành trừ cho năm sinh.

EmployeeID	EmployeeName	Age
4	Peacock Margaret	78
1	Davolio Nancy	67

9. Danh sách các products đã từng có khách hàng đặt hàng (tức là ProductId có trong Order Details). Thông tin bao gồm ProductId, ProductName, Unitprice.

ProductID	ProductName	UnitPrice
1	Chai	18.00
2	Chang	19.00
3	Aniseed Syr...	10.00
4	Chef Anton'...	22.00
5	Chef Anton'...	21.35
6	Grandma's ...	25.00
7	Uncle Bob'...	30.00
8	Northwood...	40.00

Đây chỉ là một phần của dữ liệu

10. Cho biết những Customers chưa từng lập hóa đơn.

CustomerID	CompanyName	ContactName	ContactTitle	Address	City	Region	PostalCode	Country	Phone	Fax
FISSA	FISSA Fabrica Inter. Salchichas S.A.	Diego Roel	Accounting Manager	C/ Moralzarzal, 86	Madrid	NULL	28034	Spain	(91) 555 94 44	(91) 555 55 93
PARIS	Paris spécialités	Marie Bertr...	Owner	265, boulevard ...	Paris	NULL	75012	France	(1) 42.34.22.66	(1) 42.34.22.77
WOLZB	Wolski Kala	Zbyszek Ka...	Owner	ul. Filtrowa 69	War...	NULL	01-013	Poland	(26) 642-7013	(26) 642-7013

11. Các customer không lập hóa đơn trong tháng 7/1997

CustomerID	CompanyName	ContactName	ContactTitle	Address	City	Region	PostalCode	Country	Phone	Fax
ALFKI	Alfreds Futterkiste	Maria Anders	Sales Representative	Obere Str. 57	Berlin	NULL	12209	Germany	030-0074321	030-0076545
ANATR	Ana Trujillo Emp...	Ana Trujillo	Owner	Avda. de la...	Mé...	NULL	05021	Mexico	(5) 555-4729	(5) 555-3745
ANTON	Antonio Moreno...	Antonio Mo...	Owner	Mataderos ...	Mé...	NULL	05023	Mexico	(5) 555-3932	NULL
AROUT	Around the Horn	Thomas Ha...	Sales Representative	120 Hanov...	Lon...	NULL	WA1 1DP	UK	(171) 555-7...	(171) 555-6...
BERGS	Berglunds snab...	Christina Be...	Order Administrator	Berguvsvä...	Luleå	NULL	S-958 22	Sweden	0921-12 34...	0921-12 34...
BLONP	Blondesddsl pèr...	Frédérique ...	Marketing Manager	24, place K...	Str...	NULL	67000	France	88.60.15.31	88.60.15.32
BOLID	Bóldo Comidas ...	Martín Som...	Owner	C/ Araquil, ...	Ma...	NULL	28023	Spain	(91) 555 22...	(91) 555 91...
BONAP	Bon app'	Laurence L...	Owner	12, rue des...	Mar...	NULL	13008	France	91.24.45.40	91.24.45.41

Đây chỉ là một phần của dữ liệu

12. Các customer có lập hóa đơn trong 15 ngày đầu tiên của 7/1997

CustomerID	CompanyName	ContactName	ContactTitle	Address	City	Region	PostalCode	Country	Phone	Fax
ERNSH	Ernst Handel	Roland Mendel	Sales Manager	Kirchgasse 6	Graz	NULL	8010	Austria	7675-3425	7675-3426
GREAL	Great Lakes ...	Howard Snyder	Marketing M...	2732 Bake...	Eugene	OR	97403	USA	(503) 555-7555	NULL
LEHMS	Lehmanns M...	Renate Mess...	Sales Repres...	Magazinw...	Frank...	NULL	60528	Germ...	069-0245984	069-024...
MEREP	Mère Paillarde	Jean Fresnière	Marketing As...	43 rue St. ...	Montr...	Qué...	H1J 1C3	Canada	(514) 555-8054	(514) 55...
OLDWO	Old World De...	Rene Phillips	Sales Repres...	2743 Berin...	Anch...	AK	99508	USA	(907) 555-7584	(907) 55...
PICCO	Piccolo und ...	Georg Pipp	Sales Manager	Geislweg 14	Salzb...	NULL	5020	Austria	6562-9722	6562-9723
QUEDE	Que Delícia	Bernardo Bati...	Accounting ...	Rua da Pa...	Rio d...	RJ	02389-673	Brazil	(21) 555-4252	(21) 555-...
QUICK	QUICK-Stop	Horst Kloss	Accounting ...	Taucherstr...	Cune...	NULL	01307	Germ...	0372-035188	NULL

Đây chỉ là một phần của dữ liệu

13. Danh sách các product, thông tin bao gồm: Productname, CategoryName, Unitprice.

ProductName	CategoryName	UnitPrice
Chai	Beverages	18.00
Chang	Beverages	19.00
Aniseed Syrup	Condiments	10.00
Chef Anton's Cajun Seasoning	Condiments	22.00
Chef Anton's Gumbo Mix	Condiments	21.35
Grandma's Boysenberry Spread	Condiments	25.00
Uncle Bob's Organic Dried Pe...	Produce	30.00
Northwoods Cranberry Sauce	Condiments	40.00
Mishi Kobe Niku	Meat/Poultry	97.00
Ikura	Seafood	31.00
Queso Cabrales	Dairy Products	21.00
Queso Manchego La Bodega	Dairy Products	20.00

Đây chỉ là một phần của dữ liệu

14. Liệt kê danh sách các City có Customers hoặc Employee (dùng Union)

City
Aachen
Albuquerque
Anchorage
Århus
Barcelona
Barquisimeto
Bergamo
Berlin
Bern
Boise
Bräcke
Brandenburg

Đây chỉ là một phần của dữ liệu

15. Liệt kê danh sách các Country có Customers hoặc Employee (dùng Union)

Country
Argentina
Austria
Belgium
Brazil
Canada
Denmark
Finland
France

16. Hợp danh sách các Customer và Employee lại với nhau. Thông tin gồm CodeID, Name, Address, Phone. Trong đó CodeID là CustomerID/EmployeeID, Name là Companyname/LastName + FirstName, Phone là Homephone.

CodeID	Name	Address	Phone
1	Davolio Nancy	507 - 20th Ave. E. Apt. 2A	(206) 555-9857
11	Dods An	7 Houndstooth Rd.	(71) 555-4444
2	Fuller Andrew	908 W. Capital Way	(206) 555-9482
3	Leverling Ja...	722 Moss Bay Blvd.	(206) 555-3412
4	Peacock Ma...	4110 Old Redmond Rd.	(206) 555-8122
5	Buchanan St...	14 Garrett Hill	(71) 555-4848
6	Suyama Mic...	Coventry House Miner Rd.	(71) 555-7773
7	King Robert	Edgeham Hollow Winch...	(71) 555-5598

Đây chỉ là một phần của dữ liệu